

Bản án số: 12/2020/HS-PT

Ngày: 06/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhiên.

Ông Nguyễn Gia Lương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Diễm Hạnh - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 05, 06/02/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 278/TLPT-HS ngày 02/12/2019 đối với các bị cáo Nguyễn Công H, Trần Văn C, Dương Văn Đ, Nguyễn Văn Q, Trịnh Đắc K, Nguyễn Trọng C1, Trịnh Xuân T, Trịnh Đăng K1, Bùi Tá T1, Bùi Tá Đ1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 82/2019/HS-ST ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Bùi Tá Đ1**, sinh năm 1993; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 02/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Bùi Tá N, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; Vợ; Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2019 đến ngày 25/3/2019 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: **Bùi Tá T1**, sinh năm 1983 (tên gọi khác: Bùi Tá C); Giới tính: Nam; Nơi cư trú: thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 05/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Bùi Tá M, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960; Có vợ là Trịnh Thị Tuyết, sinh năm 1984 và có 04 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17/6/2011 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 17 tháng 12 ngày kể từ ngày tuyên án về tội “Gây rối trật tự Công cộng”.

Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2019 đến ngày 25/3/2019 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Trịnh Đăng K1**, sinh năm 1969; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 05/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trịnh Đăng G (đã chết) và bà Trương Thị N (đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị B, sinh năm 1971 và có 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1996.

Tiền án: Ngày 25/01/2018 bị Tòa án nhân dân huyện V, Bắc Giang xử phạt 10 tháng tù giam về tội “Đánh bạc”;

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 02/3/2005 Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 06 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”;

Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2019 đến ngày 26/4/2019 thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ tên: **Trịnh Xuân T**, sinh năm 1976; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 06/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trịnh Xuân L, sinh năm 1948 và bà Trịnh Thị X, sinh năm 1947; Có vợ là Trịnh Thị K, sinh năm 1984 và có 03 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ từ ngày 01/3/2019 đến ngày 07/3/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ tên: **Nguyễn Trọng C1**, sinh năm 1988; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Con ông Nguyễn Trọng L, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T sinh năm 1962; Có vợ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1989 và có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ từ ngày 01/3/2019 đến ngày 07/3/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

6. Họ tên: **Trịnh Đắc K**, sinh năm 1985; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Thợ thủ công; Con ông Trịnh Đắc T, sinh năm 1949 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1952; Có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 và có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ từ ngày 01/3/2019 đến ngày 07/3/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

7. Họ tên: **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1973; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị V (đã chết). Có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1982 và có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2005. Tiền án; Tiền sự; Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ từ ngày 01/3/2019 đến ngày 07/3/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

8. Họ tên: **Dương Văn Đ**, sinh năm 1984; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: C1 nhân. Con ông Dương Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954; Có vợ là Phạm Thị Thúy D, sinh năm 1991 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2012.

Tiền án: Ngày 25/01/2018 Tòa án nhân dân huyện V, Bắc Giang xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng về tội “Đánh bạc”;

Tiền sự; Nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ từ ngày 01/3/2019 đến ngày 07/3/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

9. Họ tên: **Nguyễn Công H**, sinh năm 1979 (tên gọi khác: Dừa); Giới tính: Nam; Nơi cư trú: thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 02/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Công M, sinh năm 1955 và bà Trịnh Thị B, sinh năm 1954; Có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1981 và có 04 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2006.

Tiền án:

- Ngày 25/01/2018 Tòa án nhân dân huyện V, Bắc Giang xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Đánh bạc” (ngày phạm tội 04/6/2017);

- Ngày 27/9/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/9/2015.

Tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 14/6/2007 Tòa án nhân dân huyện V, Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản;

- Ngày 15/01/2008 Tòa án nhân dân huyện V, Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản;

- Ngày 27/9/2013 Tòa án nhân dân huyện Y, Bắc Ninh xử phạt 30 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2019 đến ngày 25/3/2019 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

10. Họ tên: **Trần Văn C**, sinh năm 1982; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Văn N, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; Có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 và có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 31/8/2011 Tòa án nhân dân huyện Y, Bắc Ninh xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”;

- Năm 2013 Tòa án nhân dân huyện V, Bắc Giang xử phạt 07 tháng tù giam về tội “Đánh bạc”;

Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ từ ngày 01/3/2019 đến ngày 07/3/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Vắng mặt.

Trong vụ án còn có các bị cáo khác và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Hồi 15 giờ 40 phút ngày 28/02/2019, tại nhà ở của gia đình Bùi Tá Đ1 - sinh năm 1993 ở thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang, Cơ quan Cảnh sát điều tra C1 an tỉnh Bắc Giang bắt quả tang một số đối tượng có hành vi đánh bạc bằng hình thức “Xóc đĩa” sát phạt nhau bằng tiền. Bắt giữ được các đối tượng gồm: Bùi Tá Đ1, Trịnh Đắc K - sinh năm 1985, Nguyễn Đình C2- sinh năm 1983, Trịnh Đăng H1- sinh năm 1983, Trịnh Đắc T1- sinh năm 1978, Bùi Tá T1 (tên gọi khác: Bùi Tá C) - sinh năm 1983, Nguyễn Công H (tên gọi khác: Dừa) - sinh năm 1979, Trịnh Hữu H1- sinh năm 1982, Trịnh Xuân T- sinh năm 1976, Nguyễn C1 B- sinh năm 1977, Trịnh Đăng K1- sinh năm 1969, Phạm Tiến T2 - sinh năm 1979 và Bùi Tá Bộ - sinh năm 1974, đều trú tại thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Dương Văn Đ- sinh năm 1984, trú tại thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Thị N- sinh năm 1970, Ngô Thế L - sinh năm 1984, đều trú tại thôn Yên Viên, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Văn Q- sinh năm 1973, Trần Văn C- sinh năm 1982, đều trú tại thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; Nguyễn Văn K2 - sinh năm 1990, trú tại thôn N, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Trần Thị H2- sinh năm 1982, trú tại Số

nhà 23, ngõ G, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Nguyễn Trọng C1 - sinh năm 1988, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

*** Vật chứng thu giữ, gồm:**

- *Thu tại chiếu bạc*: 18.200.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 vỏ chăn nhung màu đỏ; 01 bảng vị làm bằng bìa cát tông; 02 bát con sứ; 01 đĩa sứ có hoa văn hình cá; 04 quân vị làm bằng tre có một mặt bôi đen, một mặt được bôi đen; 01 bút lông màu đen; 01 ống sắt dài khoảng 25 cm; 01 con dao có chuôi bằng nhựa màu da cam; 02 mảnh gỗ vuông; 02 đóm tre; 01 dùi đục bằng gỗ; 14 ghế nhựa các loại; 01 tấm nỉ màu xanh có kích thước 3,6 x 2 m.

- *Tạm giữ trên người các đối tượng*: 24 chiếc điện thoại di động các loại và 188.420.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm:

+ Nguyễn Thị N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen và 17.300.000 đồng;

+ Nguyễn C1 H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng và 250.000 đồng;

+ Nguyễn Văn K2: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen và 8.000.000 đồng;

+ Trần Văn C: 02 điện thoại di động Samsung màu vàng, 01 điện thoại Vivo màu đen và số tiền 10.800.000 đồng;

+ Trịnh Đăng K1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và 7.750.000 đồng;

+ Trịnh Hữu H1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen và 50.000 đồng;

+ Bùi Tá T1 (tức Bùi Tá C): 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng và 800.000 đồng;

+ Trịnh Xuân T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen và 15.000.000 đồng;

+ Nguyễn Trọng C1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu trắng và 14.990.000 đồng;

+ Nguyễn Văn Q: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu xám và 32.570.000 đồng;

+ Bùi Tá Bộ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu đen và 6.850.000 đồng;

+ Trần Thị H2: 01 điện thoại Nokia màu đen, 01 điện thoại iPhone màu vàng và số tiền 10.660.000 đồng;

+ Phạm Tiến T2: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng và 16.700.000 đồng;

+ Trịnh Đắc K: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu nâu và 7.000.000 đồng;

+ Dương Văn Đ: 01 điện thoại iPhone màu trắng, 01 điện thoại không rõ nhãn hiệu và số tiền 24.450.000 đồng;

+ Nguyễn Công B: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen và 11.650.000 đồng;

+ Trịnh Đăng H1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu bạc và 3.200.000 đồng;

+ Trịnh Đắc T1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu samsung màu vàng;

+ Bùi Tá Đ1: 01 iPhone màu trắng, 01 điện thoại Nokia màu đen, 01 điện thoại Nokia màu nâu và 400.000 đồng.

Ngoài ra Cơ quan điều tra còn tạm giữ nhà Đ1 08 xe mô tô các loại, gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu EXCITER màu xanh, biển kiểm soát 99D1 - 257.87; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đen, biển kiểm soát 98K1-118.06; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future màu xanh- trắng, biển kiểm soát 98L5-6688; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S màu đỏ- trắng, biển kiểm soát 98K1-052.91; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, biển kiểm soát 98K1-161.43; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda PCX màu đỏ, biển kiểm soát 98K1-195.52; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, biển kiểm soát 29.006.S1; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, biển kiểm soát 98D1-192.50.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Tá Đ1, kết quả khám xét đã thu giữ 01 quyển vở nhãn hiệu Hải Tiến.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận:

Ngày 28/02/2019 (tức ngày 24 tháng giêng âm lịch) là ngày lễ hội Đình làng T, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang nên Trịnh Đắc K, Nguyễn Trọng C1, Nguyễn Đình C2, Dương Văn Đ, Trịnh Đăng H1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn Q, Trịnh Đắc T1, Bùi Tá T1, Nguyễn Công H, Trần Văn C, Nguyễn Văn K2, Trịnh Hữu H1, Trịnh Xuân T, Nguyễn C1 B, Trịnh Đăng K1 và Trần Thị H2 đến chơi hội và tập chung tại nhà Bùi Tá Đ1. Quá trình ngồi chơi tại nhà Bùi Tá Đ1, Trịnh Đắc K, Nguyễn Trọng C1, Nguyễn Đình C2, Dương Văn Đ, Trịnh Đăng H1, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn Q, Trịnh Đắc T1, Bùi Tá T1, Nguyễn Công H, Trần Văn C, Nguyễn Văn K2, Trịnh Hữu H1, Trịnh Xuân T, Nguyễn Công B, Trịnh Đăng K1 và Trần Thị H2 rủ nhau và đặt vấn đề với Đ1 cho đánh bạc ăn tiền dưới hình thức xóc đĩa tại nhà Đ1. Đ1 đồng ý cho mọi người đánh bạc ăn tiền tại nhà ở của mình và yêu cầu các con bạc phải nộp tiền phé (tiền hồ) cho Đ1. Sau khi được Đ1 đồng ý, Bùi Tá T1 lấy dao, mảnh gỗ hình vuông (đòn kê) và thanh tre (que đóm) có sẵn ở nhà Đ1 rồi chặt thanh tre này làm 04 quân vị hình chữ nhật và lấy bút dạ tô vào một mặt của quân vị thành màu đen, sau đó T1 lấy bát và đĩa sứ của gia đình Đ1 làm dụng cụ xóc cái. Chuẩn bị dụng cụ xong, Bùi Tá T1 đưa cho Trịnh Đăng K1 số tiền 5.000.000 để K1 làm bảng vị, còn T1 là người xóc cái, mở bát cho các con bạc chơi với nhau. Khoảng 15 giờ cùng ngày, các con bạc bắt đầu đánh bạc và tự để ra chiếc bạc tiền hồ cho Đ1 được tổng số tiền là 2.000.000 đồng, sau đó T1 cầm số tiền hồ này đưa cho Trịnh Đăng H1 và H1 đưa cho Đ1.

Trước khi chơi, Bùi Tá T1 và các con bạc thống nhất hình thức và mức tiền chơi như sau:

Người tham gia đánh bạc được bố trí ngồi ghế nhựa loại nhỏ thành 2 hàng dọc hai bên hoặc đứng tùy ý. Người xóc cái ngồi ở vị trí đầu dãy giữa hai hàng, người tham gia đánh bạc ngồi hoặc đứng ở bên phải người xóc cái gọi là bên chẵn, bên trái người xóc cái gọi là bên lẻ. Người xóc cái sử dụng 04 quân vị làm bằng tre cho vào đĩa sứ rồi dùng bát sứ úp lên trên và dùng tay cầm cả đĩa và bát xóc đều. Sau đó đặt bát và đĩa xuống thì các con bạc bắt đầu đặt số tiền định đánh vào cửa chẵn hoặc cửa lẻ mức tiền đặt tùy ý, thấp nhất 100.000 đồng. Khi các con bạc đã đặt tiền xong thì người xóc cái mở bát. Khi mở bát nếu quân vị trên đĩa thể hiện 01 quân đen, 03 quân trắng hoặc 03 quân đen, 01 quân trắng thì những người đặt tiền cửa lẻ thắng bạc và được số tiền bằng số tiền người đó đặt, còn người đặt tiền ở cửa chẵn mất số tiền đã đặt cược; ngược lại nếu quân vị thể hiện 02 quân đen, 02 quân trắng hoặc 04 quân đen, 04 quân trắng thì người đặt tiền bên cửa chẵn thắng bạc và được số tiền bằng số tiền người đó đặt, còn người đặt tiền ở cửa lẻ mất số tiền đã đặt cược.

Hình thức đánh bằng vị: Bảng vị được làm bằng tấm bìa giấy được vẽ làm 08 ô, gồm 04 đen, 04 trắng, 3 đen (gọi là sấp 3), 01 đen (gọi là sấp 1). Người chơi đặt tiền đánh bằng vị khi mở bát mà quân vị có 03 mặt trắng, 01 mặt đen (sấp 1) hoặc 03 mặt đen, 01 mặt trắng (sấp 3) sẽ được ăn gấp 3,5 lần số tiền đặt cược. Nếu mở bát mà quân vị có 04 mặt trắng hoặc 04 mặt đen thì sẽ được ăn gấp 10 lần số tiền đặt cược.

- **Bùi Tá Đ1 khai:** Trong thời gian lễ hội làng Tà có nhiều người đến nhà Đ1 chơi. Trong các ngày 23/02/2019, 26/02/2019 và ngày 27/02/2019, Đ1 đã 03 lần cho khách đến chơi đánh xóc đĩa tại nhà mình (trong số những người này Đ1 chỉ biết Bùi Tá T1, còn những người khác Đ1 không biết tên, tuổi, địa chỉ), trong đó ngày 27/02/2019 Đ1 được mọi người đánh bạc đưa cho số tiền 600.000 đồng, nhưng Đ1 không biết họ đánh dưới hình thức gì, có được thua bằng tiền hay không. Ngày 28/02/2019, mọi người đến nhà Đ1 chơi và rủ nhau đánh bạc dưới hình thức chơi xóc đĩa ăn tiền thì Đ1 đồng ý cho chơi tại nhà ở của mình với mục đích thu tiền hồ của những người chơi. Quá trình đánh bạc, Bùi Tá T1 là người làm quân vị và xóc cái, Trịnh Đăng K1 là người cầm bảng vị để đánh bạc với những người chơi. Tổng số tiền hồ thu được là 2.000.000 đồng, khi bị bắt Đ1 đã rút hết xuống chiếu bạc. Quá trình bắt giữ và khám xét khẩn cấp, Đ1 bị Cơ quan C1 an thu giữ: 03 chiếc điện thoại di động, 01 quyển vở Hải Tiến và số tiền 400.000 đồng, số đồ vật và tài sản này là của Đ1 sử dụng cá nhân, không liên quan đến việc gá bạc và đánh bạc. Đ1 không gọi ai đến đánh bạc và cũng không biết ai là người tổ chức đánh bạc, chỉ biết Bùi Tá T1 là người xóc cái, Trịnh Đăng K1 là người làm bảng vị.

- **Bùi Tá T1 (tức Bùi Tá C) khai:** Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 28/02/2019, T1 đến nhà Đ1 thì thấy có Trịnh Đăng K1, Trịnh Đăng H1, Nguyễn C1 B và một số người khác T1 không để ý nên cùng ngồi chơi uống nước với những người này. Sau đó, khi mọi người đến đông hơn và cùng rủ nhau đánh xóc đĩa ăn tiền nên T1 lấy que đóm bằng tre, dao và bút để làm quân vị rồi cùng mọi người đánh xóc đĩa ăn tiền tại tầng 2 nhà ở của gia đình Đ1. Khi tham gia đánh bạc, T1 có số tiền

5.500.000 đồng, T1 đưa cho Trịnh Đăng K1 số tiền 5.000.000 đồng để K1 đánh bài với người chơi, còn số tiền 500.000 đồng T1 cất vào trong người. Quá trình đánh bạc, T1 được Trần Văn C cho 100.000 đồng, lấy của Dương Văn Đ 200.000 đồng tiền thua bạc. Khi bị bắt, T1 bị thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung và số tiền 800.000 đồng.

- **Trịnh Đăng K1 khai:** Khoảng hơn 13 giờ ngày 28/02/2019, K1 được Bùi Tá T1 (tức C) rủ đến nhà Đ1 đánh bạc. Khi đến nơi, K1 được Bùi Tá T1 đưa cho số tiền 5.000.000 đồng để chung đánh bài với người chơi. Khi bị bắt quả tang, K1 bị thu giữ số tiền 7.750.000 đồng, trong đó có 2.750.000 đồng tiền thắng bạc và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng.

- **Trịnh Đắc K khai:** Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 28/02/2019, K đến nhà Đ1 thì thấy mọi người Đ đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa nên cũng tham gia chơi. Khi đánh bạc K bỏ số tiền 3.000.000 đồng trong số tiền 10.000.000 đồng đem theo người ra để sử dụng vào việc đánh bạc, số tiền còn lại K cất trong người không sử dụng vào việc đánh bạc. Khi đánh bạc, K ngồi bên cửa lẻ, nộp 200.000 đồng tiền hồ và đánh được khoảng 4 ván thì bị bắt. Số tiền sử dụng vào việc đánh bạc K cầm trên tay nên khi C1 an vào bắt, K vứt hết tiền số tiền này xuống chiếu. Quá trình bắt giữ, K bị Cơ quan C1 an thu giữ 01 chiếc điện thoại Nokia màu đen, 01 xe mô tô 98K1-195.52 và số tiền 7.000.000 đồng. K không biết ai là người tổ chức xóc bạc và cũng không được ai gọi đến đánh bạc.

- **Nguyễn Đình C2 khai:** Khoảng 14 giờ ngày 28/02/2019, Cảnh đi bộ một mình đến nhà Bùi Tá Đ1 để đánh bạc. Khi đi, Cảnh đem theo số tiền 300.000 đồng, nộp tiền hồ 200.000 đồng và đặt 100.000 đồng vào cửa chắn để đánh bạc nhưng bị thua. Sau đó, Cảnh có vay của Trịnh Đăng H1 10.000.000 đồng để mua xe đạp điện cho con. Khi bị bắt quả tang, Cảnh bỏ chạy và bị rơi mất số tiền trên, Cảnh không bị thu giữ gì. Cảnh không biết ai là người tổ chức xóc bạc và cũng không được ai gọi đến đánh bạc.

- **Nguyễn Trọng C1 khai:** Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 28/02/2019, C1 cùng Dương Văn Đ đến nhà Bùi Tá Đ1 để lấy chiếc xe mô tô C1 gửi tại nhà Đ1 trước đó. Khi đến nơi, C1 thấy mọi người đánh xóc đĩa ăn tiền nên lấy số tiền 1.000.000 đồng từ số tiền 12.000.000 đồng đem theo người ra để sử dụng vào việc đánh bạc. Số tiền còn lại C1 cất giữ trong người, không sử dụng vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc, C1 ngồi tại cửa chắn, nộp 200.000 đồng tiền hồ và thắng được số tiền 2.990.000 đồng. Khi bị bắt, C1 bị thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 8800, màu nâu; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda PCX màu đỏ, biển kiểm soát 98K1-195.52 và số tiền 14.990.000 đồng. C1 không biết ai là người tổ chức xóc bạc và cũng không được ai gọi đến đánh bạc.

- **Dương Văn Đ khai:** Khoảng 15 giờ ngày 28/02/2019, Đ cùng Nguyễn Trọng C1 đến chơi hội làng Tà. Khi Đ và C1 vào nhà Bùi Tá Đ1 thì thấy mọi người đánh bạc dưới hình thức chơi xóc đĩa nên Đ lấy số tiền 1.000.000 đồng trong số tiền 25.450.000 đồng Đ đem theo người ra để sử dụng vào việc đánh bạc, số tiền còn lại Đ sử dụng vào việc mua xe mô tô, không sử dụng vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc Đ ngồi tại cửa lẻ, nộp phé 200.000 đồng. Khi bị bắt Đ đã thua hết số tiền 1.000.000

đồng và bị thu giữ 01 điện thoại di động iPhone màu trắng, 01 điện thoại Hphone màu đen và số tiền 24.450.000 đồng.

- **Trịnh Đăng H1 khai:** Khoảng hơn 14 giờ ngày 28/02/2019, H1 đi đến Bùi Tá Đ1 thì thấy mọi người đánh bạc dưới hình thức chơi xóc đĩa ăn tiền nên cũng tham gia. Trước khi đánh bạc, H1 có 3.300.000 đồng, H1 bỏ ra 100.000 đồng để sử dụng vào việc đánh bạc và đứng bên cửa chắn. Tại chiếu bạc, H1 được Nguyễn Đình C2 và Trịnh Xuân T hỏi vay mỗi người 10.000.000 đồng nên H1 đã vay của Trần Thị H2 10.000.000 đồng để cho Cảnh vay và vay của Nguyễn Văn Q 10.000.000 đồng cho T vay. H1 không biết Cảnh và T vay tiền của H1 sử dụng vào mục đích gì. Trong lúc đánh bạc H1 thấy mọi người nộp tiền hồ trên chiếu nỉ nên H1 đã cầm số tiền này đưa cho Đ1, H1 bị thu giữ 01 chiếc điện thoại di động và số tiền 3.200.000 đồng.

- **Nguyễn Thị N khai:** Khoảng 15 giờ ngày 28/02/2019, N đến nhà Bùi Tá Đ1 để hỏi tìm việc làm thì thấy mọi người đánh bạc dưới hình thức chơi xóc đĩa ăn tiền nên cũng tham gia. Khi đến nhà Đ1, N đem theo người 17.000.000 đồng là tiền thuê nhà, N đã bỏ ra 1.000.000 đồng để sử dụng vào việc và ngồi tại cửa lẻ. Khi bị bắt, N Đ thắng 300.000 đồng và bị Cơ quan C1 an thu giữ 01 chiếc điện thoại Nokia màu đen, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu đỏ- trắng, biển kiểm soát 98K1-052.91 và số tiền 17.300.000 đồng.

- **Trần Văn C khai:** Buổi chiều ngày 28/02/2019, C và Nguyễn Văn Q cùng ở thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh đến thôn T, xã V, huyện V chơi hội. Khi C và Q đến nhà Bùi Tá Đ1 thấy mọi người đánh bạc dưới hình thức chơi xóc đĩa nên cũng tham gia, C lấy số tiền 300.000 đồng trong số tiền 10.900.000 đồng đem theo người để sử dụng vào việc đánh bạc tại cửa chắn. Trong lúc đánh bạc, C nhặt được 100.000 đồng gần vị trí ngồi và đưa cho Bùi Tá T1 để T1 đánh bạc. Khi bị bắt C thua 100.000 đồng, còn 200.000 đồng cất vào trong người. Cơ quan C1 an thu của C 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung màu trắng, 01 điện thoại Vivo màu đen; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh, biển kiểm soát 99D1-257.87 và số tiền 10.800.000 đồng.

- **Nguyễn Văn Q khai:** Khoảng 14 giờ 30 ngày 28/02/2019, Q và Trần Văn C cùng ở thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh đến nhà Bùi Tá Đ1 ở thôn T, xã V, huyện V để đánh bạc. Khi đi Q mang theo số tiền 45.070.000 đồng, Q bỏ ra 2.500.000 đồng để sử dụng vào việc đánh bạc, Q nộp tiền hồ 200.000 đồng và ngồi bên cửa lẻ để đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc, Q cho Trịnh Đăng H1 vay số tiền 10.000.000 đồng nhưng không biết H1 vay tiền để sử dụng vào mục đích gì. Khi bị bắt, Q thua khoảng 1.700.000 đồng và rút số tiền còn lại trên chiếu bạc, Q bị thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone và số tiền 32.570.000 đồng.

- **Trịnh Đắc T1 khai:** Khoảng 14 giờ ngày 28/02/2019, qua thông tin xã hội T1 biết nhà Đ1 Đ tổ chức đánh bạc nên đến chơi. Khi tham gia đánh bạc, T1 có 500.000 đồng và ngồi tại cửa lẻ để đánh bạc. T1 đánh 2 ván bị thua hết 300.000 đồng thì bị bắt, T1 đã rút số tiền còn lại trên chiếu bạc, T1 chưa nộp tiền hồ. Cơ quan C1 an thu giữ của T1 01 điện thoại di động Samsung màu vàng và 01 xe mô tô Honda Dream, biển kiểm soát 29-006-S1.

- **Nguyễn Công H khai:** Buổi chiều ngày 28/02/2019, H đi bộ đến nhà Đ1 mục đích để đánh bạc. Khi đi H đem theo số tiền 300.000 đồng để sử dụng vào việc đánh bạc. Khi đánh bạc, H ngồi tại cửa lẻ, nộp tiền hồ 100.000 đồng và thắng được 100.000 đồng. Khi bị bắt, H bị rơi mất 50.000 đồng nên chỉ bị thu giữ số tiền 250.000 đồng và 01 điện thoại Samsung màu trắng.

- **Nguyễn Văn K2 khai:** Khoảng 14 giờ 40 phút ngày 28/02/2019, K2 đi bộ một mình đến nhà Đ1 thì thấy mọi người đánh xóc đĩa ăn tiền nên cũng tham gia. Khi đi, K2 đem 8.500.000 đồng, K2 bỏ ra 500.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, nộp tiền hồ 50.000 đồng và ngồi tại cửa chắn tham gia đánh bạc. Đến khi bị bắt, K2 bị thua khoảng 200.000 đồng, số tiền còn lại K2 vớt trên chiếu bạc. Cơ quan C1 an thu giữ của K2 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung và số tiền 8.000.000 đồng.

- **Trịnh Hữu H1 khai:** Khoảng 14 giờ ngày 28/02/2019, H1 đem theo số tiền 50.000 đồng đến nhà Đ1 để đánh bạc. Tại chiếu bạc, H1 nhặt được 100.000 đồng và đánh ở cửa lẻ nhưng bị thua. Khi H1 và các đối tượng Đ tiếp tục chuẩn bị đánh bạc thì bị bắt quả. Cơ quan C1 an thu giữ của H1 01 điện thoại di động Nokia màu đen và số tiền 50.000 đồng.

- **Trịnh Xuân T khai:** Khoảng 14 giờ ngày 28/02/2019, T đi xe mô tô đến nhà Đ1 mục đích để đánh bạc. Khi đi, T đem theo số tiền 9.600.000 đồng, T chỉ bỏ ra 4.600.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, T nộp tiền hồ 100.000 đồng và tham gia đánh bạc tại cửa lẻ. T đánh bạc được khoảng một tiếng thì bị thua hết số tiền 4.600.000 đồng. Tại chiếu bạc, H1 có vay của Trịnh Đăng H1 số tiền 10.000.000 đồng để mua tivi phục vụ gia đình. Cơ quan C1 an thu giữ của T 01 chiếc điện thoại di động Samsung màu đen; 01 xe mô tô, biển kiểm soát 98L5-6668 và số tiền 15.000.000 đồng.

- **Nguyễn Công B khai:** Khoảng 14 giờ ngày 28/02/2019, B đi bộ một mình đến nhà Đ1 để đánh bạc. Khi đi, B đem theo 9.250.000 đồng là tiền bán bánh đa của gia đình. Khi tham gia đánh bạc, B ngồi tại cửa lẻ và bỏ ra 200.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, số tiền còn lại B cất vào trong người không sử dụng vào việc đánh bạc, B đánh mỗi ván 100.000 đồng nhưng đều bị thua. Khi bị bắt quả tang, B bị thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và số tiền 9.050.000 đồng. Sau khi bị bắt, B được người nhà gửi cho chiếc áo rét, trong túi có số tiền 2.600.000 đồng nên B đã nộp tiếp cho Cơ quan C1 an.

- **Trần Thị H2 khai:** Khoảng 15 giờ ngày 28/02/2019, H2 đi xe mô tô đến nhà Trịnh Đắc K1 chơi, nhưng K1 không có nhà nên H2 gọi điện thì được biết K1 ở nhà Đ1. H2 đi đến nhà Đ1 thì thấy mọi người đánh xóc đĩa ăn tiền nên đã lấy 200.000 đồng trong số tiền 20.860.000 đồng đem theo người ra sử dụng vào việc đánh bạc và bị thua. Số tiền còn lại, H2 cất vào trong người, không sử dụng vào việc đánh bạc. Trong lúc đánh bạc, H2 cho Trịnh Đăng H1 vay 10.000.000 đồng nhưng không biết H1 sử dụng số tiền này vào việc gì. Quá trình bắt giữ, Cơ quan C1 an đã thu giữ của H2 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone và số tiền 10.660.000 đồng.

Số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là: **32.740.000 đồng**, trong đó số tiền thu dưới chiếu bạc là 18.200.000 đồng; số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc cất giấu vào trong người là 14.540.000 đồng.

Đối với 08 chiếc xe mô tô thu giữ khi bắt quả tang, quá trình điều tra xác định: xe mô tô biển kiểm soát 98K1-052.91 là phương tiện do Nguyễn Thị N đi đến, chiếc xe này N mượn của con gái là chị Đỗ Thị T; xe mô tô biển kiểm soát 99D1-257.87 là của gia đình bị cáo Trần Văn C; xe mô tô biển kiểm soát 98K1- 118.06 là phương tiện do Trịnh Đăng K1 đi đến, chiếc xe này K1 mượn của con gái là chị Trịnh Thị L; xe mô tô biển kiểm soát 98L5-6668 là của gia đình bị cáo Trịnh Xuân T; xe mô tô biển kiểm soát 98D1-192.50 là phương tiện do bị cáo Nguyễn Trọng C1 đi đến, chiếc xe này C1 mượn của bạn là anh Lê Văn H3 - sinh năm 1989, trú tại thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang; xe mô tô biển kiểm soát 98K1-161.43 là phương tiện do Nguyễn Văn Q đi đến, chiếc xe này Q mượn của bạn là anh Diêm Công S- sinh năm 1970, trú tại thôn Yn, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang; xe mô tô biển kiểm soát 98K1-195.52 là tài sản của gia đình bị cáo Trịnh Đắc K; xe mô tô biển kiểm soát 29.006.S1 là tài sản của gia đình bị cáo Trịnh Đắc T1.

Trong các ngày 28/6/2019, 29/6/2019 và 03/7/2019, Cơ quan điều tra C1 an huyện V đã trả xe mô tô biển kiểm soát 98K1- 052.91 cho chị Đỗ Thị T; trả xe mô tô biển kiểm soát 99D1- 257.87 cho Trần Văn C; trả xe mô tô biển kiểm soát 98K1- 118.06 cho chị Trịnh Thị L; trả xe mô tô biển kiểm soát 98L5-6668 cho Trịnh Xuân T; trả xe mô tô biển kiểm soát 98D1-192.50 cho anh Lê Văn H3; trả xe mô tô biển kiểm soát 98K1-161.43 cho anh Diêm Công S; trả xe mô tô biển kiểm soát 98K1-195.52 cho Trịnh Đắc K; trả xe mô tô biển kiểm soát 29.006.S1 cho Trịnh Đắc T1.

Ngoài ra, trong các ngày 28/6/2019, 29/6/2019, 30/6/2019 và 03/7/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện V đã Q định xử lý vật chứng, trả lại những đồ vật và tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội cho các bị cáo và người liên quan, cụ thể như sau:

- + Nguyễn Thị N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen và số tiền 16.000.000 đồng;
- + Nguyễn Công H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng;
- + Nguyễn Văn K2: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen và số tiền 8.000.000 đồng;
- + Trần Văn C: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đen và số tiền 10.600.000 đồng;
- + Trịnh Đăng K1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia;
- + Bùi Tá T1 (tức Bùi Tá C): 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng và số tiền 600.000 đồng;
- + Trịnh Xuân T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen và số tiền 15.000.000 đồng;
- + Nguyễn Trọng C1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu trắng và số tiền 11.000.000 đồng;

+ Nguyễn Văn Q: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu xám và số tiền 32.570.000 đồng;

+ Bùi Tá Bộ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu đen và số tiền 6.850.000 đồng;

+ Trần Thị H2: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu vàng và số tiền 10.660.000 đồng;

+ Phạm Tiến T2: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng và số tiền 16.700.000 đồng;

+ Trịnh Đắc K: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu nâu và số tiền 7.000.000 đồng;

+ Dương Văn Đ: 01 điện thoại di động màu đen (không có nhãn hiệu), 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu trắng và số tiền 24.450.000 đồng;

+ Nguyễn C1 B: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen và số tiền 11.650.000 đồng;

+ Trịnh Đăng H1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu bạc và số tiền 3.200.000 đồng;

+ Trịnh Đắc T1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu samsung màu vàng;

+ Bùi Tá Đ1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu nâu và 01 quyển vở Hải Tiến.

Các vật chứng còn lại, Cơ quan điều tra nhập kho vật chứng để giải Q theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số 66/CT-VKS ngày 24/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Bùi Tá Đ1 ra trước Tòa án nhân dân huyện V để xét xử về tội “*Gá bạc*” theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Bùi Tá T1 (tên gọi khác: Bùi Tá C), Trịnh Đăng K1, Trịnh Xuân T, Nguyễn Trọng C1, Trịnh Đắc K, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị N, Dương Văn Đ, Trịnh Đắc T1, Nguyễn Văn K2, Trần Văn C, Nguyễn Đình C2, Nguyễn Công B, Trần Thị H2, Trịnh Hữu H1 và Trịnh Đăng H1 ra trước Tòa án nhân dân huyện V để xét xử về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Công H ra trước Tòa án nhân dân huyện V để xét xử về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 82/2019/HS-ST ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và Quyết định:

1. Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Tá Đ1** 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “*Gá bạc*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 01/3/2019 đến ngày 25/3/2019). Phạt tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Công H** (tên gọi khác: Dừa) 38 (ba mươi tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 01/3/2019 đến ngày 25/3/2019).

3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trịnh Đăng K122** (hai mươi hai) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 01/3/2019 đến ngày 26/4/2019). Phạt tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

4. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Tá T1** (tên gọi khác: Bùi Tá C) 22 (hai mươi hai) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 01/3/2019 đến ngày 25/3/2019). Phạt tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

5. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trịnh Xuân T** 18 (mười tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ (từ ngày 01/3/2019 đến ngày 07/3/2019). Phạt tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

6. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trịnh Đắc K** 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ (từ ngày 01/3/2019 đến ngày 07/3/2019). Phạt tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

7. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn Q** 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ (từ ngày 01/3/2019 đến ngày 07/3/2019). Phạt tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

8. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Dương Văn Đ** 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Phạt tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 2 Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, tổng hợp với hình phạt của Bản án số 08/2018/HSST ngày 25/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang, xử phạt bị cáo Dương Văn Đ 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng. Nay chuyển sang hình phạt tù giam và cộng với hình phạt tội mới.

Bắt bị cáo Dương Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là: 22 (hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ (từ ngày 01/3/2019 đến ngày 07/3/2019).

9. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Trọng C1** 10 (mười) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ (từ ngày 01/3/2019 đến ngày 07/3/2019). Phạt tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

10. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn C** 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ (từ ngày 01/3/2019 đến ngày 07/3/2019). Phạt tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra bản án còn tuyên phạt các bị cáo khác, tuyên phần xử lý vật chứng, phần án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử xong, ngày 18/10/2019, bị cáo Dương Văn Đ, Trịnh Đăng K1 nộp đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Trọng C1 nộp đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo,

Ngày 21/10/2019, bị cáo Trịnh Đăng H1, Trịnh Đắc K, Nguyễn Văn Q nộp đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 22/10/2019, bị cáo Nguyễn Thị N nộp đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 23/10/2019, bị cáo Trịnh Hữu H1, Bùi Tá T1 nộp đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 25/10/2019, bị cáo Trịnh Xuân T, Trịnh Đắc T1, Bùi Tá Đ1 nộp đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 29/10/2019, bị cáo Nguyễn Công H, Trần Văn C nộp đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trịnh Đăng H1, Trịnh Đắc T1, Nguyễn Thị N, Trịnh Hữu H1 có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã ra thông báo về việc rút kháng cáo của các bị cáo Trịnh Đắc H1, T1, N, Trịnh Hữu H1.

Các bị cáo Dương Văn Đ, Trịnh Đăng K1, Nguyễn Trọng C1, Trịnh Đắc K,

Nguyễn Văn Q, Bùi Tá T1, Trịnh Xuân T, Bùi Tá Đ1, Nguyễn Công H, Trần Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo H, Đ1, Đ, K1, T1, C trình bày kháng cáo cùng với lý do: án sơ thẩm xử nặng, hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, con nhỏ, bố mẹ già yếu.

Bị cáo C1 kháng cáo với lý do: Bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, đã nộp 10.400.000đ tiền phạt và án phí, bị cáo chỉ có 01 triệu đồng tham gia đánh bạc. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo K kháng cáo với lý do: Bị cáo phạm tội lần đầu, đã từng đi nghĩa vụ quân sự trở về địa phương, đã nộp 10.400.000đ tiền phạt và tiền án phí. Bố mẹ già, con còn nhỏ, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện làm ăn nuôi con nhỏ.

Bị cáo Q kháng cáo với lý do: Bị cáo phạm tội lần đầu, đã nộp 10.400.000đ tiền phạt và tiền án phí, bố đẻ bị cáo là ông Nguyễn Văn Nghi có C1 với nước, được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến. Hoàn cảnh gia đình khó khăn, con nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo T kháng cáo với lý do: Hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo có 03 con nhỏ, đã nộp 10.400.000đ tiền phạt và tiền án phí, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà các bị cáo nêu ra đã kết luận và đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Trọng C1, Trịnh Đắc K, Trịnh Xuân T và Nguyễn Văn Q, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho các bị cáo C1, K, T, Q được hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 355, 356, 357 BLTTHS để không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Văn Đ, Trịnh Đăng K1, Bùi Tá T1, Bùi Tá Đ1, Nguyễn Công H, Trần Văn C, xử giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo Đ, K1, T1, Đ1, H, C. Do các bị cáo **Trịnh Đăng H1, Trịnh Đắc T1, Nguyễn Thị N, Trịnh Hữu H1** làm đơn xin rút đơn kháng cáo trước khi xét xử phúc thẩm, vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã ra thông báo về việc rút đơn kháng cáo của bị cáo **Trịnh Đắc H1, T1, N, Trịnh Hữu H1**.

Các bị cáo không có tranh luận gì.

Các bị cáo Dương Văn Đ, Trịnh Đăng K1, Bùi Tá T1, Bùi Tá Đ1, Nguyễn Công H, Trần Văn C nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt.

Các bị cáo Nguyễn Trọng C1, Trịnh Đắc K, Trịnh Xuân T và Nguyễn Văn Q nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đề nghị xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về việc vắng mặt bị cáo Trần Văn C có kháng cáo: bị cáo Trần Văn C đã được Tòa án tổng Đ1 hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa tuy nhiên bị cáo vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm không có lý do, căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự Tòa án xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định của pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo, qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như quá trình xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm thấy đủ cơ sở xác định:

Khoảng hơn 14 giờ ngày 28/02/2019, tại tầng 2 nhà Bùi Tá Đ1, sinh năm 1993 trú tại thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang, bị cáo Bùi Tá Đ1 có hành vi sử dụng nơi ở của mình cho các bị cáo Bùi Tá T1, Trịnh Đăng K1, Trịnh Xuân T, Nguyễn Trọng C1, Trịnh Đắc K, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị N, Dương Văn Đ, Trịnh Đắc T1, Nguyễn Văn K2, Trần Văn C, Nguyễn Công H, Nguyễn Đình C2, Nguyễn C1 B, Trần Thị H2, Trịnh Hữu H1 và Trịnh Đăng H1 thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa với mục đích thu tiền hồ (tiền phé) của các con bạc. Các bị cáo đánh bạc đến hồi 15 giờ 40 cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra, C1 an ninh Bắc Giang bắt quả tang, thu dưới chiếu bạc 18.200.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 vỏ chăn nhung màu đỏ; 01 bảng vị làm bằng bìa cát tông; 02 bát con sứ; 01 đĩa sứ có hoa văn hình cá; 04 quân vị làm bằng đóm tre có một mặt được bôi đen; 01 bút lông màu đen; 01 ống sắt dài khoảng 25 cm; 01 con dao có chuôi bằng nhựa màu da cam; 02 khúc gỗ vuông; 02 thanh đóm tre; 01 dùi đục bằng gỗ; 14 ghế nhựa; 01 tấm nỉ màu xanh kích thước 3,6 x 2m.

Tổng số tiền các bị cáo đánh bạc được chứng minh là 32.740.000 đồng.

[3] Như vậy, hành vi của Bùi Tá Đ1 đã cấu thành tội “*Gá bạc*” theo điểm a, b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Hành vi của Bùi Tá T1 (tên gọi khác: Bùi Tá C), Trịnh Đăng K1, Trịnh Xuân T, Nguyễn Trọng C1, Trịnh Đắc K, Nguyễn Văn Q, Dương Văn Đ, Trần Văn C và Nguyễn Công H (tên gọi khác: Dừa) đã cấu thành tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Bản án sơ thẩm đã căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm đã xét xử bị cáo Bùi Tá Đ1 về tội “*Gá bạc*” theo điểm a, b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự và các bị cáo Bùi Tá T1 (tên gọi khác: Bùi Tá C), Trịnh Đăng K1, Trịnh Xuân T, Nguyễn Trọng C1, Trịnh Đắc K, Nguyễn Văn Q, Dương Văn Đ, Trần Văn C về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Công H khi phạm tội đã 02 lần bị kết án về các tội “*Đánh bạc*” và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” chưa được xóa án tích thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự. Bản án sơ

thẩm xét xử bị cáo H theo điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo thì thấy:

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến trật tự công cộng, gây mất trật tự xã hội, tạo dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng tới hạnh phúc và kinh tế cũng như sản xuất của nhiều gia đình, là cơ sở phát sinh nhiều tội phạm khác.

Về nhân thân: Các bị cáo Đ1, T, C1, K, Q có nhân thân tốt. Các bị cáo Bùi Tá T1, K1, Đ, C, H có nhân thân xấu, cụ thể:

Bị cáo H: 05 lần bị Tòa án đưa ra xét xử, trong đó: 01 lần về tội “Đánh bạc”, 02 lần về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, 02 lần về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo C: 02 lần bị Tòa án xét xử về tội “Đánh bạc”.

Các bị cáo K1, Đ: 01 lần bị Tòa án xét xử về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo Bùi Tá T1: 01 lần bị Tòa án xét xử về tội “Gây rối trật tự C1 cộng”.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Đ và K1 đều có 01 tiền án về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Đ1, Bùi Tá T1, T, C1, K, Q, C, H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Vì vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo K, C1, Q, T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Sau khi xử sơ thẩm xong, trong quá trình giải Q ở cấp phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Trọng C1, Trịnh Đắc K, Trịnh Xuân T và Nguyễn Văn Q đã nộp 10.400.000đ tiền án phí và tiền phạt, bị cáo Q có bố đẻ được tặng thưởng huân huy chương. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự ở cấp phúc thẩm mà cấp sơ thẩm chưa được áp dụng cho các bị cáo C1, K, T và Q.

Án sơ thẩm đã xem xét vai trò mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ phạt bị cáo Bùi Tá Đ1 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Gá bạc”; Bùi Tá T1 22 (hai mươi hai) tháng tù, Trịnh Đắc K1 22 (hai mươi hai) tháng tù, Dương Văn Đ 15 (mười lăm) tháng tù, Trần Văn C 08 (tám) tháng tù, Nguyễn Công H 38 (ba mươi tám) tháng tù đều về tội “Đánh bạc” và buộc các bị cáo phải cách ly khỏi xã hội là có căn cứ phù hợp pháp luật và đảm bảo đấu tranh phòng chống loại tội phạm đánh bạc ngày càng gia tăng trong tình hình hiện nay trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Lý do kháng cáo mà các bị cáo đưa ra để xin giảm nhẹ hình phạt cũng không thỏa mãn yêu cầu của pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cần bác đơn kháng cáo của các bị cáo Bùi Tá Đ1, Bùi Tá T1 (tên gọi khác: Bùi Tá C), Trịnh Đăng K1, Dương Văn Đ, Trần Văn C, Nguyễn Công H giữ nguyên bản án sơ thẩm là đúng quy định và phù hợp pháp luật.

Đối với kháng cáo của bị cáo C1, K, Q, T: Bị cáo C1, K, Q, T được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, có nơi cư trú ổn định. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo xuất hiện thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết buộc phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà cho cải tạo tại địa phương có thời gian thử thách cũng đủ giáo dục các bị cáo trở thành con người tốt. Các bị cáo C1, K, Q, T có đủ điều kiện hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị Q số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ phân tích trên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo C1, K, Q, T giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho các bị cáo C1, K, Q, T được hưởng án treo để phù hợp với các quy định của pháp luật và T2 tương xứng tính chất mức độ hành vi phạm tội.

[4] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Do kháng cáo của các bị cáo Bùi Tá Đ1, Bùi Tá T1 (tên gọi khác: Bùi Tá C), Trịnh Đăng K1, Dương Văn Đ, Trần Văn C không được chấp nhận nên các bị cáo Bùi Tá Đ1, Bùi Tá T1 (tên gọi khác: Bùi Tá C), Trịnh Đăng K1, Dương Văn Đ, Trần Văn C phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Riêng bị cáo Nguyễn Công H thuộc diện hộ nghèo nên miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo H.

Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Trọng C1, Trịnh Đắc K, Nguyễn Văn Q, Trịnh Xuân T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng C1, Trịnh Đắc K, Nguyễn Văn Q, Trịnh Xuân T sửa bản án sơ thẩm giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo Nguyễn Trọng C1, Trịnh Đắc K, Nguyễn Văn Q, Trịnh Xuân T hưởng án treo.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Tá Đ1, Bùi Tá T1 (tên gọi khác: Bùi Tá C), Trịnh Đăng K1, Dương Văn Đ, Trần Văn C, Nguyễn Công H, giữ nguyên bản án sơ thẩm

1. 1 Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Tá Đ1** 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Gá bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 01/3/2019 đến ngày 25/3/2019).

1.2 Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Công H** (tên gọi khác: Dừa) 38 (ba mươi tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 01/3/2019 đến ngày 25/3/2019).

1.3 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trịnh Đăng K1** 22 (hai mươi hai) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 01/3/2019 đến ngày 26/4/2019).

1.4 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Tá T1** (tên gọi khác: Bùi Tá C) 22 (hai mươi hai) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 01/3/2019 đến ngày 25/3/2019).

1.5 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Dương Văn Đ** 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Phạt tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 2 Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, tổng hợp với hình phạt của Bản án số 08/2018/HSST ngày 25/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang, xử phạt bị cáo Dương Văn Đ 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng. Nay chuyển sang hình phạt tù giam và cộng với hình phạt tội mới.

Bắt bị cáo Dương Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là: 22 (hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ (từ ngày 01/3/2019 đến ngày 07/3/2019).

1.6 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn C** 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ (từ ngày 01/3/2019 đến ngày 07/3/2019).

1.7 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trịnh Đắc K** 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Trịnh Đắc K cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang

để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Q định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn Q** 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Bắc Ninh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Q định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Trọng C1** 10 (mười) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Trịnh Đắc K cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Q định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trịnh Xuân T** 18 (mười) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Trịnh Xuân T cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Q định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

[2] Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Các bị cáo Bùi Tá Đ1, Bùi Tá T1 (tên gọi khác: Bùi Tá C), Trịnh Đăng K1, Dương Văn Đ, Trần Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Nguyễn Công H.

Các bị cáo Nguyễn Trọng C1, Trịnh Đắc K, Nguyễn Văn Q, Trịnh Xuân T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

[3] Các Q định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở T2 pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung